

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2026

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Loan

2. Ông Nguyễn Tiến Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2026 về Tranh chấp ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H – sinh năm 1987 (vắng mặt – có đơn vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Chu Bá T – sinh năm 1986 (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

Đều địa chỉ: tổ dân phố Q, phường V, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai tại Toà án Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi đăng ký kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) ngày 26/3/2008. Tổ chức cưới theo phong tục tập quán ngày 24/02/2008 âm lịch. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay, anh chị sống chung với bố mẹ chồng, không có thời gian nào ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T. Từ khi có mâu thuẫn vợ chồng cũng không sống ly thân.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung là Chu Thị Ngọc Á sinh ngày 24/02/2009, Chu Thị Ngọc A sinh ngày 01/8/2014, Chu Thị Ngọc B sinh ngày 12/5/2021 và Chu Bá Thành Đ sinh ngày 08/7/2023. Hiện nay các con đều đang ở chung cùng vợ chồng. Ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết để chị được nuôi cháu Chu Thị Ngọc Á và Chu Bá Thành Đ, anh T nuôi cháu Chu Thị Ngọc A và cháu Chu Thị Ngọc B. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm công nhân ở khu công nghiệp, thu nhập từ lương khoảng 15.000.000 đồng/ tháng. Chị có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T tự thoả thuận nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Bá T trình bày: *Về quan hệ hôn nhân:* Trước khi đăng ký kết hôn anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) ngày 26/3/2008. Tổ chức cưới theo phong tục tập quán ngày 24/02/2008 âm lịch. Sau khi cưới chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh, không có thời gian nào ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025, anh xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh. Từ khi có mâu thuẫn vợ chồng cũng không sống ly thân.

Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên chị H cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 04 con chung là Chu Thị Ngọc Á sinh ngày 24/02/2009, Chu Thị Ngọc A sinh ngày 01/8/2014, Chu Thị Ngọc B sinh ngày 12/5/2021 và Chu Bá Thành Đ sinh ngày 08/7/2023. Hiện nay các con đều đang ở chung cùng vợ chồng. Ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết để anh nuôi cả 04 cháu. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện anh đang kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15-20 triệu/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H tự thoả thuận nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với Ban lãnh đạo tổ dân phố Q, phường V: Ban lãnh đạo tổ dân phố cung cấp: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Chu Bá T là vợ chồng, kết hôn năm 2006, tổ chức cưới theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng sinh sống tại tổ dân phố Q. Quá trình chung sống anh T, chị H mâu thuẫn như thế nào, địa phương không nắm được. Về con chung, chị H và anh T có 04 con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ địa phương không nắm được. Tuy nhiên hiện tại anh T có công việc ổn định, có

01 xưởng cơ khí đang hoạt động và 01 xưởng may cho thuê, về thu nhập cụ thể địa phương không nắm được, nhưng anh T có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Chu Bá T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và giao văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Chu Bá T.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc Á sinh ngày 24/02/2009 và Chu Bá Thành Đ sinh ngày 08/7/2023, anh Chu Bá T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc A sinh ngày 01/8/2014 và Chu Thị Ngọc B sinh ngày 12/5/2021. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp ly hôn, con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. anh Chu Bá T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Q, phường V, tỉnh Bắc Ninh, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về việc vắng mặt chị H, anh T: Tại phiên tòa chị H và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Chu Bá T đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2008 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường V, tỉnh Bắc Ninh). Như vậy hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Chu Bá T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên chị H cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hoà giải, động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và cương quyết xin ly hôn, từ đó có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Chu Bá T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Chu Bá T có 04 con chung là Chu Thị Ngọc Á sinh ngày 24/02/2009, Chu Thị Ngọc A sinh ngày 01/8/2014, Chu Thị Ngọc B sinh ngày 12/5/2021 và Chu Bá Thành Đ sinh ngày 08/7/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Ngọc Á và cháu Ngọc A, cháu Ngọc Á có nguyện vọng được ở với chị H và cháu Ngọc A có nguyện vọng được ở với anh T sau khi anh chị ly hôn. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Ngọc Á và cháu Thành Đ, anh T có nguyện vọng được nuôi cả 04 con. Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và đều có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con, cháu Ngọc Á có nguyện vọng được ở với chị H, cháu Thành Đ hiện nay dưới 36 tháng tuổi, do vậy cần giao cháu Ngọc Á và cháu Thành Đ cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Ngọc A có nguyện vọng ở với anh T, do vậy cần giao cháu Ngọc A và cháu Ngọc B cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, ruộng đất chung, công sức: đương sự không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Chu Bá T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc Á sinh ngày 24/02/2009 và Chu Bá Thành Đ sinh ngày 08/7/2023, anh Chu Bá T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Ngọc A sinh ngày 01/8/2014 và Chu Thị Ngọc B sinh ngày 12/5/2021. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị H, anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 00001317 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà (Giấy ĐKKH số 33 ngày 26/3/2008 của UBND xã Trung Sơn cũ);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Tuyết